

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2022

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Trung Thống.

Ông Thạch Thanh Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Thành V, sinh năm: 1974 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp a, xã BT, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Đoàn Thị Hồng H, sinh năm: 1978 (Vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: ấp LA, xã NL, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đoàn Thị Hồng Đ, sinh năm: 1978 (Vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: ấp b, xã TN, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 27-11-2021, biên bản lấy khai ngày 29-7-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Thành V trình bày:*

Ông và bà Đoàn Thị Hồng H đi đến hôn nhân do tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, làm lễ cưới vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BP vào ngày 03-8-2009. Có vàng nữ trang ngày cưới nhưng

đến nay lâu quá ông không nhớ trọng lượng, số lượng và loại vàng, quá trình chung sống vợ chồng đã thống nhất bán hết vàng cưới để sử dụng chung trong gia đình, nên hiện không còn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống bên quê của bà H ở ấp CC, xã BP (nay thuộc ấp LA, xã NL). Chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm. Đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, kể từ sau khi bà H sinh con thì bà H giấu diếm, không rõ ràng về chuyện tiền bạc chi tiêu trong gia đình với ông, ông buồn phiền mà bà H không quan tâm, từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi với nhau mọi việc trong gia đình. Và đã tự sống ly thân nhau từ ngày 01/6/2021 đến nay. Bên gia đình ông cũng có động viên, nhưng vợ chồng ông không hàn gắn lại được. Nên nay ông yêu cầu giải quyết được ly hôn với bà Đoàn Thị Hồng H.

Về con chung: Ông và bà Đoàn Thị Hồng H có một con chung là cháu Phan Đăng K, sinh ngày 23-8-2011. Thời gian vợ chồng sống ly thân, con chung do bà H chăm sóc cho đến nay. Khi ly hôn, tùy con muốn sống với cha hoặc mẹ, ông đều đồng ý và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 745.000đồng/tháng (cấp vào ngày 03 hàng tháng) đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông hiện đang quản lý sợi dây chuyền 2,3 chỉ vàng 18K, đây là tài sản mà ông và bà H để cho con là cháu K. Ngoài ra có hai xe mô tô mà ông và bà H mỗi người đang quản lý một xe; Còn có đồ nội thất trong gia đình, bàn ghế, chén đĩa, một máy giặt Electrolux, một Tivi Panasonic 49 inch, một tủ quần áo nhôm, các đồ vật tư hàn tiện, các tài sản này do ông đang quản lý, để ông và bà H tự thỏa thuận giải quyết với nhau, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông thống nhất với bà H xác nhận hiện còn nợ tiền vay của chị ruột bà H là bà Đoàn Thị Hồng Đ 20.000.000 đồng. Khi ly hôn, ông và bà H mỗi người sẽ trả cho bà Đ 10.000.000 đồng và sẽ tự thỏa thuận giải quyết tiền trả nợ với nhau, chứ chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án.

Ông không nộp thêm chứng cứ gì khác, cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

** Tại bản tự khai không đề ngày và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đoàn Thị Hồng H trình bày:*

Bà thống nhất với ông Phan Thành V về tình trạng hôn nhân của vợ chồng là đi đến hôn nhân do tự quen biết nhau, cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã BP. Nữ trang cưới có 04 chỉ vàng 24K và cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18K và quá trình chung sống đã bán hết để xây dựng nhà nên hiện không còn. Sau ngày cưới, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, do thường xuyên bất đồng ý kiến, cự cãi với nhau về chuyện tiền bạc. Dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay. Nay ông V xin ly hôn với bà thì bà không đồng ý, do bà còn thương chồng, muốn vợ chồng hàn gắn để chăm lo cho con. Trường hợp ông V cương quyết ly hôn thì Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: là Phan Đăng K, sinh ngày 23-8-2011, hiện đang sống chung với bà. Trường hợp ông V cương quyết ly hôn, thì bà yêu cầu tiếp tục nuôi con, đồng ý ông V cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng theo quy định pháp luật là 745.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Thống nhất như ông V đã trình bày. Bà và ông V sẽ tự thỏa thuận với nhau, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Thống nhất lời trình bày của ông V. Bà và ông V mỗi người sẽ trả cho chị ruột của bà là bà Đoàn Thị Hồng Đ số tiền 10.000.000 đồng và tự thỏa thuận với nhau, chưa yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án.

Bà không nộp chứng cứ gì cho Tòa án xem xét, cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

** Tại bản tự khai ngày 26-7-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Phan Đăng K trình bày:*

Cháu là con chung của cha tên Phan Thành V và mẹ tên Đoàn Thị Hồng H. Hiện cháu vừa học xong lớp 5. Cháu đang sống chung nhà với mẹ. Cháu muốn cha mẹ hàn gắn cùng chăm lo cho cháu, không muốn cha mẹ ly hôn. Nếu cha vẫn cương quyết ly hôn với mẹ thì nguyện vọng của cháu là muốn được sống chung với mẹ.

** Tại bản tự khai ngày 29-7-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Hồng Đ trình bày:*

Bà là chị ruột của bà Đoàn Thị Hồng H. Thời gian bà H cùng chồng là ông Phan Thành V còn thuận thảo thì có vay của bà số tiền 50.000.000 đồng để làm ăn. Đến nay đã trả được 30.000.000 đồng. Còn nợ lại 20.000.000 đồng. Nay nếu ông V, bà H chung sống không hạnh phúc ra Tòa ly hôn và giải quyết về nuôi con chung, nhờ Tòa xem xét theo quy định pháp luật, bà không ý kiến. Còn số tiền nợ 20.000.000 đồng thì bà H và ông V cam kết mỗi người trả cho bà 10.000.000 đồng, nên bà và ông V, bà H sẽ tự thương lượng giải quyết số tiền nợ với nhau, bà không khởi kiện độc lập trong cùng vụ án

Bà không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án, cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

** Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và xác định vẫn giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày, không cung cấp chứng cứ gì thêm. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do, nên không có lời trình bày.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy

đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thành V: Cho ông V được ly hôn với bà Đoàn Thị Hồng H; Về con chung là Phan Đăng K, sinh ngày 23-8-2011 giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung là muốn sống với mẹ; Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà H và ông V về việc ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ vào ngày 03 hàng tháng số tiền là 745.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, do các đương sự chưa có yêu cầu khởi kiện, dành cho đương sự quyền khởi kiện vụ án khác nếu có tranh chấp. Ngoài ra, Vị đề nghị nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Phan Thành V là nguyên đơn, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông V theo luật định. Đối với bà Đoàn Thị Hồng H là bị đơn và bà Đoàn Thị Hồng Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án nhân dân huyện C tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ đến tham dự các phiên làm việc tại Tòa. Ngày 15-8-2022, Tòa án triệu tập hợp lệ bà H và bà Đ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng hai bà vắng mặt không lý do. Ngày 24-8-2022, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bà H, bà Đ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng hai bà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H và bà Đ.

[2] *Về hôn nhân*: Xét thấy ông Phan Thành V và bà Đoàn Thị Hồng H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã BP. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống bên quê của bà

H (thuộc huyện C). Chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm. Đến năm 2011 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo ông V, mâu thuẫn xuất phát từ chuyện tiền bạc chi tiêu, từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi với nhau về mọi việc trong gia đình, không còn tin tưởng lẫn nhau và đã tự sống ly thân nhau từ ngày 01-6-2021 đến nay, mặc dù hai bên gia đình có động viên, nhưng vợ chồng ông không thể hàn gắn lại được. Nên nay ông cương quyết ly hôn với bà Đoàn Thị Hồng H. Đối với bà H cho rằng giữa vợ chồng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, nên bà không đồng ý ly hôn với ông V, mà xin được hàn gắn, nhưng đến nay bà H vẫn không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào theo yêu cầu của Tòa án để chứng minh khả năng hàn gắn hạnh phúc giữa bà với ông V.

[3] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Ông V, bà H xác lập hôn nhân từ năm 2009, chung sống hạnh phúc được thời gian dài. Quá trình sống chung, có những lúc chưa thống nhất về quan điểm cuộc sống, về cách ứng xử giao tiếp với nhau, đáng lẽ ra ông bà phải biết tự điều chỉnh hành vi bản thân, xử sự cho có lý, có tình, cùng góp ý, tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân một cách tốt đẹp nhất, để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Nhưng khi bất hòa xảy ra, vợ, chồng không kiềm chế được hành vi và cách cư xử của bản thân, đã có những lời nói không chuân mực, dẫn đến cự cãi, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và dần mất đi.

[4] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”. Nhưng ông V, bà H đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, ông bà mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[5] Tòa án đã tiến hành mời hòa giải vào các ngày 08-4-2022, 29-7-2022 để ông V, bà H có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng tại phiên hòa giải ngày 08-4-2022 bà H vắng mặt không lý do; Đến phiên hòa giải ngày 29-7-2022, ông V, bà H cùng có mặt, qua phân tích giải thích pháp luật của Tòa án, ông V vẫn cương quyết ly hôn, không đồng ý hàn gắn, trong khi bà H xin được đoàn tụ nhưng không thuyết phục được ông V, cũng không nộp được chứng cứ chứng minh việc hàn gắn là có cơ sở.

[6] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng ông V, bà H đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Việc ông V xác định tình cảm vợ chồng không còn

và cương quyết ly hôn với bà H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu, cho ông V được ly hôn với bà H.

[7] *Về con chung*: Ông Phan Thành V và bà Đoàn Thị Hồng H thống nhất xác định có một con chung là cháu Phan Đăng K, sinh ngày 23-8-2011, thời gian ông bà ly thân thì cháu K đều sống chung với bà H. Quá trình giải quyết vụ án, cháu K nêu nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ trường hợp khi giải quyết cha mẹ ly hôn. Nên cần xử cho bà H được quyền nuôi con là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông V với bà H về việc khi ly hôn ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ vào ngày 03 hàng tháng với số tiền 745.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[8] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đối với ông Phan Thành V không tranh chấp, chưa yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án; Đối với bà Đoàn Thị Hồng H có nại ra yêu cầu tranh chấp tài sản chung với ông V, đã được Tòa án thông báo giải thích bằng văn bản về việc khởi kiện phản tố, nhưng đến nay bà vẫn không khởi kiện, cũng không giao nộp bất cứ chứng cứ gì cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết yêu cầu của bà.

[9] *Về nợ chung*: Ông Phan Thành V và bà Đoàn Thị Hồng H thống nhất xác định không có nợ chung phải thu. Nhưng ông bà thống nhất xác định có nợ chung phải trả cho bà Đoàn Thị Hồng H số tiền là 20.000.000 đồng và các đường sự xác định tự thỏa thuận với nhau, chưa yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[10] *Về án phí sơ thẩm*: Ông Phan Thành V có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí về nghĩa cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[11] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thành V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phan Thành V được ly hôn với bà Đoàn Thị Hồng H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Đăng K, sinh ngày 23-8-2011 cho bà Đoàn Thị Hồng H tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung là muốn được sống chung với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Phan Thành V và bà Đoàn Thị Hồng H về việc ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Phan Đăng K, sinh ngày 23-8-2011 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, cụ thể:

- Mức cấp dưỡng: 745.000 đ/tháng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng trên một tháng).

- Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng cấp dưỡng một lần vào ngày 03 hàng tháng.

- Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Ông Phan Thành V và bà Đoàn Thị Hồng H chưa có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết. Dành cho các đương sự khởi kiện bằng một vụ án khác, nếu có tranh chấp yêu cầu.

4. Về nợ chung: Ông Phan Thành V, bà Đoàn Thị Hồng H, bà Đoàn Thị Hồng Đ thống nhất xác định tự thỏa thuận, chưa có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết. Dành cho các đương sự khởi kiện bằng một vụ án khác, nếu có tranh chấp yêu cầu.

5. Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Thành V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0010256 ngày 10 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Nên ông V còn phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã BP;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo